TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Văn Hòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 267/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Kim Th, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp Suối Tre, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Thành D**,** sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp Suối Tre, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim Th trình bày:

Về hôn nhân: bà Đoàn Thị Kim Th và ông Võ Thành D tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân. Bà Th và ông D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 17 tháng 3 năm 2017.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đầu năm 2021, bà Th và ông D bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung về kinh tế gia đình. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bản thân mỗi người tự lo cho riêng. Năm 2021, bà Th và ông D không còn chung sống với nhau cho đến nay. Bà Th và ông D không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: bà Th khai không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà Th không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Võ Thành D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đoàn Thị Kim Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Thành D nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Võ Thành D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tố tụng: Bị đơn ông Võ Thành D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Kim Th và ông Võ Thành D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông D do bà Th và ông D đều không quan tâm đến gia đình, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã. Từ năm 2021, bà Th và ông D không còn chung sống với nhau cho đến nay, không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân. Hơn nữa, quá trình tố tụng, ông D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th. Xét thấy, bà Th và ông D là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau là không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có biện pháp hàn gắn cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu khởi kiện của bà Th xin ly hôn với ông D là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà Th khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim Th đối với bị đơn ông Võ Thành D về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Đoàn Thị Kim Th và ông Võ Thành D.

- Về con chung: bà Đoàn Thị Kim Th khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Kim Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6028 ngày 12 tháng 12 năm 2024 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Khoa